

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRƯỜNG THCS QUẢNG VĂN

LỚP: 9B

NĂM HỌC: 2023 - 2024

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRƯỜNG THCS QUẢNG VĂN
.....

Xã (phường, thị trấn): Quảng Văn

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Quảng Xương

Tỉnh (thành phố): Thanh Hóa

Lớp: 9B, Năm học: 2023 - 2024

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thủy

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nam nữ	Dân tộc	Con LS, con TB, con BB, con của người được hưởng chế độ như TB, con GĐ có công với CM	Chỗ ở hiện tại
1	Lê Hoài Anh	07/10/2009	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Nữ	Kinh	Không	Thôn Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
2	Lê Thị Kiều Anh	26/01/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng - Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
3	Lê Thị Tú Anh	26/11/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng,Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
4	Vũ Văn Việt Anh	10/11/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng,Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
5	Hàn Thị Phương Bắc	14/10/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Bái Môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
6	Trần Xuân Dương	07/02/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Bái Môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
7	Trần Văn Đại	23/06/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Quang Minh, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
8	Vương Huy Đông	21/10/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
9	Lê Xuân Hà	28/08/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Yên Hưng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
10	Hoàng Ngọc Hải	23/10/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Bái Môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
11	Cao Khánh Huyền	23/12/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Yên Hưng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	18/08/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Xuân Tiến, Quảng Long, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
13	Lê Thị Mai Hương	18/11/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
14	Lại Duy Quốc Khánh	02/09/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
15	Ngô Thị Thùy Linh	15/03/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Yên Hưng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
16	Vương Thị Khánh Ly	20/10/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
17	Vũ Thị Nhi	24/05/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Bái Môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
18	Vương Huy Phương	20/03/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
19	Vũ Văn Phong	25/05/2009	Xã Quảng Ngọc, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
20	Lê Thị Ngọc Phượng	03/03/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
21	Vương Huy Quang	19/11/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	07/08/2009	Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
23	Trần Thị Quỳnh	09/08/2009	Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
24	Lê Thị Phương Thảo	09/04/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
25	Lê Thị Thơm	26/07/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
26	Lê Thị Huyền Trang	06/07/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Kim Lâm Đồng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
27	Trần Văn Trọng	24/05/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Yên Hưng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
28	Nguyễn Bá Trường	24/09/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Bái Môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
29	Vương Hồ Cẩm Tú	12/01/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
30	Lê Tuấn Vũ	02/09/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Quang Minh, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
31	Trần Viết Xuân	09/10/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nam	Kinh	Không	Bái môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
32	Hàn Thị Hải Yến	01/03/2009	Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Bái môn, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
33	Vương Thị Hải Yến	12/09/2009	Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Không	Yên Hưng, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa
34							
35							
36							
37							

HỌC SINH

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý của học sinh (hoàn cảnh gia đình, nơi ở, sức khỏe)
1	Lê Kỳ Chung - lái xe	Tô Thị Hà - nội trợ	
2	Lê Đức Thanh	Hồ Thị Thìn	
3	Lê Đức Tuấn	Hoàng Thị Thúy	
4	Vũ Văn Bảo	Vũ Thị Yến	
5	Hàn Văn Nam	Nguyễn Thị Hương	
6	Trần Xuân Chung	Lê Thị Thành	
7	Trần Xuân Quang	Trần Thị Hoa	
8	Vương Huy Nam	Hoàng Thị Mai	
9	Lê Xuân Hùng	Nguyễn Thị Hằng	
10	Hoàng Xuân Khánh	Đào Thị Dịu	
11	Cao Văn Quân	Trần Thị Cánh	
12	Nguyễn Văn Thành	Hoàng Thị Hạnh	
13	Lê Đức Sơn	Phan Thị Hà	
14	Lại Duy Tân	Nguyễn Thị Thiêm	
15	Ngô Kim Tú	Vương Thị Mạnh	
16	Vương Huy Phương	Trần Thị Lan	
17	Vũ Văn Kiên	Lưu Thị Vinh	
18	Vương Huy Đông	Lê Thị Lịch	
19	Vũ Văn Tùng	Hoàng Thị Quyết	
20	Lê Ngọc Văn	Nguyễn Thị Lan	
21	Vương Huy Lộc	Nguyễn Thị Hiền	
22	Hoàng Văn Toàn	Đàm Thị Chiến	
23	Trần Ngọc Tuấn	Trần Thụy Diễm	
24	Lê Văn Bạ	Nguyễn Thị Hương	
25	Lê Đức Nam	Nguyễn Thị Kim Phúc	
26	Lê Thanh Hàn	Lê Thị Anh	
27	Trần Văn Khuyến	Lê Thị Hường	
28	Nguyễn Bá Hương	Lê Thị Châu	
29	Vương Quốc Tuấn	Hồ Thị Huệ	
30	Lê Huy Giáp	Lê Thị Hiền	
31	Trần Viết Ngọc	Hồ Thị Hưng	
32	Hàn Văn Dũng	Dương Thị Oanh	
33	Vương Huy Sinh	Ngô Thị Thọ	
34			
35			
36			
37			

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
20	Vương Huy Quang																																	0	0	0
21	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
22	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
23	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
24	Lê Thị Thơm																																	0	0	0
25	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
26	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
27	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
28	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
29	Lê Tuấn Vũ																																	0	0	0
30	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
31	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
32	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
33																																				
34																																				

Tỉ lệ: có phép: 0%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thủy

Tháng 9 năm 2023

Tổng số học sinh của lớp: 32

[illegible]

Tỉ lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

**KÝ, XÁC NHẬN CỦA
QUẢN SINH**

**KÝ, XÁC NHẬN CỦA
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

**KÝ, XÁC NHẬN CỦA
HIỆU TRƯỞNG**

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thuỷ

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
20	Vương Huy Quang																																	0	0	0
21	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
22	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
23	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
24	Lê Thị Thơm																																	0	0	0
25	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
26	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
27	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
28	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
29	Lê Tuấn Vũ						P		P																									2	2	0
30	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
31	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
32	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
33																																				
34																																				
35																																				
36																																				
37																																				
	Tổng số		0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0

Tỉ lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thuý

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5		TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
20	Vương Huy Quang																																	0	0	0
21	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
22	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
23	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
24	Lê Thị Thơm																																	0	0	0
25	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
26	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
27	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
28	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
29	Lê Tuấn Vũ																																	0	0	0
30	Trần Việt Xuân																																	0	0	0
31	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
32	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
33																																				
34																																				

Tỉ lệ: có phép: 0%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thủy

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
20	Vương Huy Quang																																	0	0	0
21	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
22	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
23	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
24	Lê Thị Thơm																																	0	0	0
25	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
26	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
27	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
28	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
29	Lê Tuấn Vũ																																	0	0	0
30	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
31	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
32	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
33																																				
34																													</							

Ti lệ: có phép: 0%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thủy

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																									P								1	1	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Vũ Văn Phong																			P	P		P											3	3	0
20	Lê Thị Ngọc Phượng																							P	P									2	2	0
21	Vương Huy Quang																																	0	0	0
22	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
23	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
24	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
25	Lê Thị Thơm																																	0	0	0
26	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
27	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
28	Nguyễn Bá Trường																			P	P													2	2	0
29	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
30	Lê Tuấn Vũ			P							P																							2	2	0
31	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
32	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
33	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
34																																				
35																																				
36																																				
37																																				
	Tổng số		0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	10	10	0

Tỉ lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thùy

Hoàng Thị Thủy

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5			TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại																																	0	0	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																								P								1	1	0	
13	Lê Thị Mai Hương																						P	P									2	2	0	
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Vũ Văn Phong																																	0	0	0
20	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
21	Vương Huy Quang																																	0	0	0
22	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
23	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
24	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
25	Lê Thị Thơm																								P								1	1	0	
26	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
27	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
28	Nguyễn Bá Trường						P																											1	1	0
29	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
30	Lê Tuấn Vũ	P					P																											2	2	0
31	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
32	Hàn Thị Hải Yến																				P													1	1	0
33	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
34																																				

Ti lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thuý

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc														P																			1	1	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại						P										P	P				P	P	P										6	6	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh								P																									1	1	0
16	Vương Thị Khánh Ly								P																									1	1	0
17	Vũ Thị Nhi																																	0	0	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Vũ Văn Phong								P	P																								2	2	0
20	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
21	Vương Huy Quang																																	0	0	0
22	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
23	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
24	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
25	Lê Thị Thơm							P	P				P																					3	3	0
26	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
27	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
28	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
29	Vương Hồ Cẩm Tú												P																					1	1	0
30	Lê Tuấn Vũ									P	P		P	P	P	P	P																	7	7	0
31	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
32	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
33	Vương Thị Hải Yến										P																							1	1	0
34																																				
35																																				
36																																				
37																																				
	Tổng số		0	0	0	0	1	1	4	2	2	0	3	1	2	1	2	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23	23	0

Tỉ lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thùy

Hoàng Thị Thuý

Số TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3		TS	p	k
1	Lê Hoài Anh																																	0	0	0
2	Lê Thị Kiều Anh																																	0	0	0
3	Lê Thị Tú Anh																																	0	0	0
4	Vũ Văn Việt Anh																																	0	0	0
5	Hàn Thị Phương Bắc																																	0	0	0
6	Trần Xuân Dương																																	0	0	0
7	Trần Văn Đại		P																															1	1	0
8	Vương Huy Đông																																	0	0	0
9	Lê Xuân Hà																																	0	0	0
10	Hoàng Ngọc Hải																																	0	0	0
11	Cao Khánh Huyền																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền																																	0	0	0
13	Lê Thị Mai Hương																																	0	0	0
14	Lại Duy Quốc Khánh																																	0	0	0
15	Ngô Thị Thùy Linh																																	0	0	0
16	Vương Thị Khánh Ly																																	0	0	0
17	Vũ Thị Nhi					P																												1	1	0
18	Vương Huy Phương																																	0	0	0
19	Vũ Văn Phong																																	0	0	0
20	Lê Thị Ngọc Phượng																																	0	0	0
21	Vương Huy Quang																																	0	0	0
22	Hoàng Thị Như Quỳnh																																	0	0	0
23	Trần Thị Quỳnh																																	0	0	0
24	Lê Thị Phương Thảo																																	0	0	0
25	Lê Thị Thơm					P																P												2	2	0
26	Lê Thị Huyền Trang																																	0	0	0
27	Trần Văn Trọng																																	0	0	0
28	Nguyễn Bá Trường																																	0	0	0
29	Vương Hồ Cẩm Tú																																	0	0	0
30	Lê Tuấn Vũ		P														P																	2	2	0
31	Trần Viêt Xuân																																	0	0	0
32	Hàn Thị Hải Yến																																	0	0	0
33	Vương Thị Hải Yến																																	0	0	0
34																																				
35																																				
36																																				
37																																				
	Tổng số		2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	6	0

Tỉ lệ: có phép: 100%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

KÝ, XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

KÝ, XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thủy

Tháng 5 năm 2024

Tổng số học sinh của lớp: 33

[illegible]

Tỉ lệ: có phép: 0%, không phép: 0%

KÝ, XÁC NHẬN CỦA QUẢN SINH

**KÝ, XÁC NHẬN CỦA
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

**KÝ, XÁC NHẬN CỦA
HIỆU TRƯỞNG**

Bùi Thị Thủy

Hoàng Thị Thuỷ

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên	TOÁN HỌC							VẬT LÝ						
		ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh	ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh
1	Lê Hoài Anh	7	7	6	7	8	7.0	7.1	6	7	6		8	6.0	6.6
2	Lê Thị Kiều Anh	9	9	9	10	10	9.0	9.3	9	9	9		10	9.0	9.3
3	Lê Thị Tú Anh	8	8	7	7	9	8.0	8.0	7	7	6		8	7.0	7.1
4	Vũ Văn Việt Anh	6	7	7	7	7	5.0	6.2	5	6	5		7	6.0	6.0
5	Hàn Thị Phương Bắc	6	5	5	6	5	5.0	5.2	5	6	5		5	6.0	5.5
6	Trần Xuân Dương	7	8	8	7	8	8.0	7.8	6	7	6		8	7.0	7.0
7	Trần Văn Đại	5	6	6	6	5	3.0	4.7	6	5	4		7	7.0	6.3
8	Vương Huy Đông	9	9	9	10	10	8.0	9.0	9	9	10		10	9.0	9.4
9	Lê Xuân Hà	6	6	6	6	8	7.0	6.8	6	6	5		7	7.0	6.5
10	Hoàng Ngọc Hải	7	7	7	8	8	7.0	7.3	7	7	6		7	7.0	6.9
11	Cao Khánh Huyền	8	8	9	9	10	8.0	8.7	10	9	9		10	8.0	9.0
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	8	8	8	9	7	8.0	7.9	6	7	6		8	7.0	7.0
13	Lê Thị Mai Hương	6	6	6	5	7	5.0	5.8	7	6	5		8	6.0	6.5
14	Lại Duy Quốc Khánh	5	6	6	6	5	3.0	4.7	6	5	4		7	4.0	5.1
15	Ngô Thị Thùy Linh	6	6	5	6	6	8.0	6.6	6	5	5		7	7.0	6.4
16	Vương Thị Khánh Ly	8	9	9	9	10	9.0	9.1	9	9	10		10	8.0	9.0
17	Vũ Thị Nhi	6	6	6	6	6	5.0	5.7	5	6	5		7	5.0	5.6
18	Vương Huy Phương	6	6	6	6	6	4.0	5.3	5	6	5		7	6.0	6.0
19	Lê Thị Ngọc Phượng	9	10	9	10	10	9.0	9.4	10	9	10		10	9.0	9.5
20	Vương Huy Quang	6	6	7	6	7	6.0	6.3	5	5	4		7	6.0	5.8
21	Hoàng Thị Như Quỳnh	6	7	6	6	5	6.0	5.9	7	7	6		8	6.0	6.8
22	Trần Thị Quỳnh	7	8	7	7	8	7.0	7.3	6	6	6		7	6.0	6.3
23	Lê Thị Phương Thảo	5	6	6	7	5	4.0	5.1	6	6	5		7	6.0	6.1
24	Lê Thị Thơm	5	6	7	7	6	3.0	5.1	6	7	6		8	5.0	6.3
25	Lê Thị Huyền Trang	8	9	8	9	9	9.0	8.8	5	6	5		8	7.0	6.6
26	Trần Văn Trọng	8	9	9	9	10	9.0	9.1	9	9	10		9	8.0	8.8
27	Nguyễn Bá Trường	5	6	3	3	6	5.0	4.9	6	6	4		5	6.0	5.5
28	Vương Hồ Cẩm Tú	6	7	7	8	8	6.0	6.9	7	7	5		9	6.0	6.9
29	Lê Tuấn Vũ	6	7	5	4	6	7.0	6.1	6	6	6		7	7.0	6.6
30	Trần Viết Xuân	7	7	6	7	8	6.0	6.8	6	5	5		7	7.0	6.4
31	Hàn Thị Hải Yến	7	8	8	8	9	8.0	8.1	7	7	5		9	7.0	7.3
32	Vương Thị Hải Yến	9	9	10	9	10	9.0	9.3	9	8	8		10	8.0	8.6
33															
34															
35															
36															
37															

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán học.....điểm, Vật lí.....điểm

Ký xác nhận của GVCN

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Bùi Thị Thủy

Bùi Thị Thanh Huyền

Hồ Thị Hồng

HỌC KỲ I

Số TT	HÓA HỌC							SINH HỌC							NGỮ VĂN						
	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk
1	6	6	7		5	7.0	6.3	7	9	7		8	7.0	7.5	8	7	9	7	7	6.0	7.0
2	9	9	8		10	10	9.5	8	9	6		9	8.0	8.1	9	8	8	9	8	7.0	7.9
3	8	7	7		9	7.0	7.6	7	8	7		7	7.0	7.1	8	7	7	7	7	6.0	6.8
4	7	6	6		6	5.0	5.8	5	6	7		6	6.0	6.0	7	6	6	6	6	6.0	6.1
5	6	6	7		5	6.0	5.9	6	5	6		5	6.0	5.6	7	6	7	5	4	5.0	5.3
6	7	6	6		9	7.0	7.3	8	7	8		8	7.0	7.5	8	7	7	7	6	6.0	6.6
7	6	5	5		7	4.0	5.3	5	6	4		5	6.0	5.4	8	5	7	5	4	4.0	5.0
8	8	9	8		9	9.0	8.8	9	8	8		9	9.0	8.8	8	8	9	9	7	8.0	8.0
9	6	6	5		5	5.0	5.3	7	6	5		5	5.0	5.4	7	6	6	5	5	6.0	5.8
10	7	6	6		8	9.0	7.8	7	6	8		7	8.0	7.4	9	7	8	7	6	6.0	6.8
11	9	9	9		10	10	9.6	9	9	8		9	8.0	8.5	9	8	9	9	9	9.0	8.9
12	7	6	6		9	8.0	7.6	8	7	7		7	7.0	7.1	9	8	7	7	6	6.0	6.8
13	7	6	5		8	5.0	6.1	6	7	6		7	6.0	6.4	7	6	6	6	6	6.0	6.1
14	5	5	6		6	4.0	5.0	5	6	6		5	5.0	5.3	6	5	6	5	4	5.0	5.0
15	6	5	6		7	7.0	6.5	6	7	6		6	6.0	6.1	7	6	7	6	5	5.0	5.7
16	9	9	9		10	9.0	9.3	9	9	8		10	9.0	9.1	9	9	9	8	9	9.0	8.9
17	6	5	5		8	6.0	6.3	6	7	6		6	5.0	5.8	6	6	7	5	6	6.0	6.0
18	6	5	5		7	5.0	5.6	6	7	7		6	7.0	6.6	8	5	6	6	7	6.0	6.3
19	10	9	10		10	10	9.9	9	9	8		9	8.0	8.5	9	8	8	8	9	8.0	8.3
20	6	5	5		7	4.0	5.3	5	6	6		5	6.0	5.6	5	5	6	6	5	4.0	4.9
21	7	7	6		7	5.0	6.1	7	8	7		8	8.0	7.8	7	7	7	6	5	8.0	6.8
22	7	6	5		8	5.0	6.1	6	7	7		6	6.0	6.3	6	6	7	6	5	6.0	5.9
23	6	6	5		8	5.0	6.0	6	6	5		6	7.0	6.3	6	6	7	5	5	5.0	5.4
24	7	6	5		8	6.0	6.5	7	8	6		6	7.0	6.8	8	7	5	6	6	6.0	6.2
25	7	6	5		8	7.0	6.9	9	8	8		9	7.0	8.0	9	7	7	8	8	7.0	7.6
26	9	8	8		9	9.0	8.8	8	9	8		8	8.0	8.1	8	8	8	8	7	7.0	7.4
27	5	5	5		7	4.0	5.1	5	6	4		5	6.0	5.4	6	5	5	4	5	5.0	5.0
28	7	7	6		8	6.0	6.8	7	8	6		8	6.0	6.9	8	7	6	7	7	7.0	7.0
29	7	6	6		8	4.0	5.9	6	7	5		5	5.0	5.4	6	5	5	4	4	5.0	4.8
30	6	5	5		8	7.0	6.6	8	5	7		6	7.0	6.6	8	7	8	7	7	6.0	6.9
31	8	7	6		9	8.0	7.9	8	7	7		7	7.0	7.1	9	8	7	7	7	6.0	7.0
32	9	8	8		9	9.0	8.8	8	8	7		9	8.0	8.1	8	8	7	8	8	8.0	7.9
33																					
34																					
35																					
36																					
37																					

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Hóa học.....điểm, Sinh học.....điểm, Ngữ văn.....điểm

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Hồ Thị Hồng

Lê Thị Na

Bùi Thị Thủy

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên	LỊCH SỬ							ĐỊA LÍ						
		ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh	ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh
1	Lê Hoài Anh	8	7	7		7	8.0	7.5	8	7	7		6	8.0	7.3
2	Lê Thị Kiều Anh	9	8	9		9	8.0	8.5	8	8	8		9	8.0	8.3
3	Lê Thị Tú Anh	7	7	7		5	7.0	6.5	8	7	6		7	8.0	7.4
4	Vũ Văn Việt Anh	6	7	7		6	5.0	5.9	6	6	5		5	5.0	5.3
5	Hàn Thị Phương Bắc	7	5	6		6	4.0	5.3	5	6	6		5	5.0	5.3
6	Trần Xuân Dương	9	6	7		7	7.0	7.1	8	6	8		7	8.0	7.5
7	Trần Văn Đại	7	6	7		4	4.0	5.0	6	4	7		4	5.0	5.0
8	Vương Huy Đông	9	9	8		8	8.0	8.3	9	9	8		9	8.0	8.5
9	Lê Xuân Hà	6	6	6		7	4.0	5.5	6	6	6		6	5.0	5.6
10	Hoàng Ngọc Hải	8	8	8		8	7.0	7.6	8	7	8		8	8.0	7.9
11	Cao Khánh Huyền	9	8	9		8	8.0	8.3	9	9	8		9	9.0	8.9
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7	7	8		8	8.0	7.8	8	7	8		9	8.0	8.1
13	Lê Thị Mai Hương	8	8	8		7	5.0	6.6	8	6	7		7	6.0	6.6
14	Lại Duy Quốc Khánh	6	6	6		7	6.0	6.3	7	7	6		6	4.0	5.5
15	Ngô Thị Thùy Linh	7	7	8		8	8.0	7.8	7	5	6		6	6.0	6.0
16	Vương Thị Khánh Ly	9	9	9		8	8.0	8.4	9	10	9		9	9.0	9.1
17	Vũ Thị Nhi	7	8	7		7	7.0	7.1	6	7	7		6	8.0	7.0
18	Vương Huy Phương	6	5	7		7	6.0	6.3	6	6	6		6	6.0	6.0
19	Lê Thị Ngọc Phượng	9	9	8		8	9.0	8.6	8	8	7		7	8.0	7.6
20	Vương Huy Quang	6	6	6		6	5.0	5.6	5	5	5		6	5.0	5.3
21	Hoàng Thị Như Quỳnh	7	7	7		8	7.0	7.3	6	7	6		7	7.0	6.8
22	Trần Thị Quỳnh	8	8	8		8	5.0	6.9	8	7	6		7	6.0	6.6
23	Lê Thị Phương Thảo	7	8	7		8	5.0	6.6	7	6	7		5	5.0	5.6
24	Lê Thị Thơm	7	8	8		8	6.0	7.1	6	7	6		6	6.0	6.1
25	Lê Thị Huyền Trang	9	8	8		9	8.0	8.4	7	8	8		8	8.0	7.9
26	Trần Văn Trọng	7	8	8		9	7.0	7.8	9	9	8		8	8.0	8.3
27	Nguyễn Bá Trường	6	6	6		6	5.0	5.6	6	5	6		6	5.0	5.5
28	Vương Hồ Cẩm Tú	6	8	8		9	6.0	7.3	8	8	7		7	7.0	7.3
29	Lê Tuấn Vũ	7	6	7		4	4.0	5.0	5	4	5		5	6.0	5.3
30	Trần Viết Xuân	8	7	6		7	8.0	7.4	8	7	8		6	8.0	7.4
31	Hàn Thị Hải Yến	8	7	8		8	8.0	7.9	7	8	7		8	8.0	7.8
32	Vương Thị Hải Yến	8	8	8		9	7.0	7.9	8	7	8		8	8.0	7.9
33															
34															
35															
36															
37															

HỌC KỲ I

Số TT	NGOẠI NGỮ							GDCD							CÔNG NGHỆ						
	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk
1	8	7	8	6	8	6.0	7.0	9	8			8	8.0	8.1	7	8			9	8.0	8.1
2	8	8	8	8	8	9.0	8.3	9	9			9	8.0	8.6	9	7			10	9.0	9.0
3	5	7	7	7	8	8.0	7.3	9	8			6	8.0	7.6	7	7			8	9.0	8.1
4	6	5	6	5	7	5.0	5.7	7	6			8	7.0	7.1	6	6			7	6.0	6.3
5	7	6	5	5	4	5.0	5.1	6	6			5	5.0	5.3	5	6			6	7.0	6.3
6	7	8	7	7	7	5.0	6.4	8	7			7	8.0	7.6	8	8			10	8.0	8.6
7	5	5	4	4	7	4.0	4.9	9	6			6	6.0	6.4	6	6			7	7.0	6.7
8	9	8	9	9	9	9.0	8.9	9	9			8	8.0	8.3	9	9			10	8.0	8.9
9	6	5	6	6	7	4.0	5.4	6	7			7	5.0	6.0	8	8			9	6.0	7.4
10	6	8	7	6	8	8.0	7.4	8	8			8	9.0	8.4	9	8			8	8.0	8.1
11	9	9	9	8	10	10	9.4	9	9			9	8.0	8.6	8	8			9	9.0	8.7
12	7	6	8	6	8	7.0	7.1	9	8			6	8.0	7.6	9	8			9	8.0	8.4
13	5	6	4	5	6	7.0	5.9	6	6			9	7.0	7.3	7	7			7	8.0	7.4
14	6	5	4	5	5	6.0	5.3	5	6			5	7.0	6.0	7	7			7	6.0	6.6
15	6	6	6	5	8	7.0	6.7	7	8			9	8.0	8.1	6	7			7	7.0	6.9
16	9	9	9	10	9	10	9.4	9	9			9	9.0	9.0	9	9			10	8.0	8.9
17	5	6	4	5	7	7.0	6.1	7	7			8	9.0	8.1	8	8			9	8.0	8.3
18	5	6	4	5	7	5.0	5.4	7	7			8	8.0	7.7	7	8			7	7.0	7.1
19	7	8	8	9	9	9.0	8.6	9	9			9	9.0	9.0	8	7			7	9.0	8.0
20	5	5	4	5	7	5.0	5.3	7	5			6	5.0	5.6	6	7			8	6.0	6.7
21	5	6	5	5	7	6.0	5.9	7	7			9	7.0	7.6	8	8			10	9.0	9.0
22	6	6	6	6	7	8.0	6.9	8	7			6	7.0	6.9	8	7			7	7.0	7.1
23	6	6	5	5	5	5.0	5.2	8	7			6	6.0	6.4	6	6			7	8.0	7.1
24	6	6	6	5	8	5.0	6.0	7	8			8	8.0	7.9	6	8			9	8.0	8.0
25	7	7	7	6	6	7.0	6.7	8	8			9	9.0	8.7	7	7			9	8.0	8.0
26	9	9	8	9	10	9.0	9.1	9	9			8	8.0	8.3	8	9			9	9.0	8.9
27	5	6	4	4	5	5.0	4.9	5	6			7	5.0	5.7	6	7			8	7.0	7.1
28	6	9	8	8	10	6.0	7.7	8	8			8	7.0	7.6	8	7			8	8.0	7.9
29	6	6	5	5	7	5.0	5.7	6	5			8	5.0	6.0	6	6			6	5.0	5.6
30	5	5	4	5	7	7.0	6.0	9	8			7	8.0	7.9	7	9			8	8.0	8.0
31	6	8	9	8	9	9.0	8.4	8	8			8	8.0	8.0	9	9			10	8.0	8.9
32	5	8	8	7	8	9.0	7.9	9	9			9	9.0	9.0	7	8			8	9.0	8.3
33																					
34																					
35																					
36																					
37																					

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Ngoại ngữ.....điểm, GDCD.....điểm, Công nghệ.....điểm

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Lê Thị Ánh Ninh

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Lý

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên	THỂ DỤC							MĨ THUẬT						
		ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh	ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh
1	Lê Hoài Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
2	Lê Thị Kiều Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
3	Lê Thị Tú Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
4	Vũ Văn Việt Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
5	Hàn Thị Phương Bắc	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
6	Trần Xuân Dương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
7	Trần Văn Đại	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
8	Vương Huy Đông	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
9	Lê Xuân Hà	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
10	Hoàng Ngọc Hải	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
11	Cao Khánh Huyền	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
13	Lê Thị Mai Hương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
14	Lại Duy Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
15	Ngô Thị Thùy Linh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
16	Vương Thị Khánh Ly	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
17	Vũ Thị Nhi	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
18	Vương Huy Phương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
19	Lê Thị Ngọc Phượng	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
20	Vương Huy Quang	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
21	Hoàng Thị Như Quỳnh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
22	Trần Thị Quỳnh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
23	Lê Thị Phương Thảo	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
24	Lê Thị Thơm	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
25	Lê Thị Huyền Trang	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
26	Trần Văn Trọng	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
27	Nguyễn Bá Trường	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
28	Vương Hồ Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
29	Lê Tuấn Vũ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
30	Trần Viết Xuân	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
31	Hàn Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
32	Vương Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
33															
34															
35															
36															
37															

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Thể dục.....điểm, Mĩ thuật.....điểm

Ký xác nhận của GVCN

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Bùi Thị Thủy

Hồ Đức Quang

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên	Toán học	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Mĩ thuật	TBcm hKI	Kết quả xếp loại và thi đua		
															HL	HK	TĐ
1	Lê Hoài Anh	7.1	6.6	6.3	7.5	7.0	7.5	7.3	7.0	8.1	8.1	Đ	Đ	7.3	K	T	HSTT
2	Lê Thị Kiều Anh	9.3	9.3	9.5	8.1	7.9	8.5	8.3	8.3	8.6	9.0	Đ	Đ	8.7	G	T	HSG
3	Lê Thị Tú Anh	8.0	7.1	7.6	7.1	6.8	6.5	7.4	7.3	7.6	8.1	Đ	Đ	7.4	K	T	HSTT
4	Vũ Văn Việt Anh	6.2	6.0	5.8	6.0	6.1	5.9	5.3	5.7	7.1	6.3	Đ	Đ	6.0	Tb	T	
5	Hàn Thị Phương Bắc	5.2	5.5	5.9	5.6	5.3	5.3	5.3	5.1	5.3	6.3	Đ	Đ	5.5	Tb	T	
6	Trần Xuân Dương	7.8	7.0	7.3	7.5	6.6	7.1	7.5	6.4	7.6	8.6	Đ	Đ	7.3	K	T	HSTT
7	Trần Văn Đại	4.7	6.3	5.3	5.4	5.0	5.0	5.0	4.9	6.4	6.7	Đ	Đ	5.5	Tb	K	
8	Vương Huy Đông	9.0	9.4	8.8	8.8	8.0	8.3	8.5	8.9	8.3	8.9	Đ	Đ	8.7	G	T	HSG
9	Lê Xuân Hà	6.8	6.5	5.3	5.4	5.8	5.5	5.6	5.4	6.0	7.4	Đ	Đ	6.0	Tb	T	
10	Hoàng Ngọc Hải	7.3	6.9	7.8	7.4	6.8	7.6	7.9	7.4	8.4	8.1	Đ	Đ	7.6	K	T	HSTT
11	Cao Khánh Huyền	8.7	9.0	9.6	8.5	8.9	8.3	8.9	9.4	8.6	8.7	Đ	Đ	8.9	G	T	HSG
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7.9	7.0	7.6	7.1	6.8	7.8	8.1	7.1	7.6	8.4	Đ	Đ	7.5	K	T	HSTT
13	Lê Thị Mai Hương	5.8	6.5	6.1	6.4	6.1	6.6	6.6	5.9	7.3	7.4	Đ	Đ	6.5	Tb	T	
14	Lại Duy Quốc Khánh	4.7	5.1	5.0	5.3	5.0	6.3	5.5	5.3	6.0	6.6	Đ	Đ	5.5	Tb	T	
15	Ngô Thị Thùy Linh	6.6	6.4	6.5	6.1	5.7	7.8	6.0	6.7	8.1	6.9	Đ	Đ	6.7	K	T	HSTT
16	Vương Thị Khánh Ly	9.1	9.0	9.3	9.1	8.9	8.4	9.1	9.4	9.0	8.9	Đ	Đ	9.0	G	T	HSG
17	Vũ Thị Nhi	5.7	5.6	6.3	5.8	6.0	7.1	7.0	6.1	8.1	8.3	Đ	Đ	6.6	Tb	T	
18	Vương Huy Phương	5.3	6.0	5.6	6.6	6.3	6.3	6.0	5.4	7.7	7.1	Đ	Đ	6.2	Tb	T	
19	Lê Thị Ngọc Phượng	9.4	9.5	9.9	8.5	8.3	8.6	7.6	8.6	9.0	8.0	Đ	Đ	8.7	G	T	HSG
20	Vương Huy Quang	6.3	5.8	5.3	5.6	4.9	5.6	5.3	5.3	5.6	6.7	Đ	Đ	5.6	Tb	T	
21	Hoàng Thị Như Quỳnh	5.9	6.8	6.1	7.8	6.8	7.3	6.8	5.9	7.6	9.0	Đ	Đ	7.0	K	T	HSTT
22	Trần Thị Quỳnh	7.3	6.3	6.1	6.3	5.9	6.9	6.6	6.9	6.9	7.1	Đ	Đ	6.6	K	T	HSTT
23	Lê Thị Phương Thảo	5.1	6.1	6.0	6.3	5.4	6.6	5.6	5.2	6.4	7.1	Đ	Đ	6.0	Tb	T	
24	Lê Thị Thơm	5.1	6.3	6.5	6.8	6.2	7.1	6.1	6.0	7.9	8.0	Đ	Đ	6.6	Tb	T	
25	Lê Thị Huyền Trang	8.8	6.6	6.9	8.0	7.6	8.4	7.9	6.7	8.7	8.0	Đ	Đ	7.8	K	T	HSTT
26	Trần Văn Trọng	9.1	8.8	8.8	8.1	7.4	7.8	8.3	9.1	8.3	8.9	Đ	Đ	8.5	G	T	HSG
27	Nguyễn Bá Trường	4.9	5.5	5.1	5.4	5.0	5.6	5.5	4.9	5.7	7.1	Đ	Đ	5.5	Tb	K	
28	Vương Hồ Cẩm Tú	6.9	6.9	6.8	6.9	7.0	7.3	7.3	7.7	7.6	7.9	Đ	Đ	7.2	K	T	HSTT
29	Lê Tuấn Vũ	6.1	6.6	5.9	5.4	4.8	5.0	5.3	5.7	6.0	5.6	Đ	Đ	5.6	Tb	K	
30	Trần Viết Xuân	6.8	6.4	6.6	6.6	6.9	7.4	7.4	6.0	7.9	8.0	Đ	Đ	7.0	K	T	HSTT
31	Hàn Thị Hải Yến	8.1	7.3	7.9	7.1	7.0	7.9	7.8	8.4	8.0	8.9	Đ	Đ	7.8	K	T	HSTT
32	Vương Thị Hải Yến	9.3	8.6	8.8	8.1	7.9	7.9	7.9	7.9	9.0	8.3	Đ	Đ	8.4	G	T	HSG
33																	
34																	
35																	
36																	
37																	

Ký xác nhận của giáo viên chủ nhiệm

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán học.....điểm, Vật lí.....điểm, Hóa học.....điểm, Sinh học.....điểm, Ngữ văn.....điểm, Lịch sử.....điểm, Địa lí.....điểm, Ngoại ngữ.....điểm, GDCD.....điểm, Công nghệ.....điểm, Thể dục.....điểm, Mĩ thuật.....điểm

Bùi Thị Thủy

DANH SÁCH GIÁO VIÊN BỘ MÔN

STT	Môn	HỌ VÀ TÊN GVBM	
		HKI	Chữ ký
1	Toán học	Bùi Thị Thanh Huyền	
2	Vật lí	Hồ Thị Hồng	
3	Hóa học	Hồ Thị Hồng	
4	Sinh học	Lê Thị Na	
5	Ngữ văn	Bùi Thị Thủy	
6	Lịch sử	Nguyễn Thị Phượng	
7	Địa lí	Nguyễn Thị Thảo	
8	Ngoại ngữ	Lê Thị Ánh Ninh	
9	GDCD	Bùi Thị Thủy	
10	Công nghệ	Nguyễn Thị Lý	
11	Thể dục	Hồ Đức Quang	
12	Mĩ thuật		

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Số TT	Họ và tên	TOÁN HỌC							VẬT LÝ						
		ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk
1	Lê Hoài Anh	8	9	8	7	7	6.0	7.1	6	7	7		6	8.0	7.0
2	Lê Thị Kiều Anh	10	9	9	10	9	7.0	8.6	8	9	10		7	10	8.9
3	Lê Thị Tú Anh	7	7	8	8	8	7.0	7.4	7	7	7		8	9.0	8.0
4	Vũ Văn Việt Anh	6	7	7	7	6	6.0	6.3	6	6	7		5	5.0	5.5
5	Hàn Thị Phương Bắc	5	6	6	5	5	5.0	5.2	6	6	5		5	6.0	5.6
6	Trần Xuân Dương	7	7	8	8	7	6.0	6.9	7	7	8		9	9.0	8.4
7	Trần Văn Đại	7	5	6	6	5	5.0	5.4	6	7	5		4	6.0	5.5
8	Vương Huy Đông	9	10	9	10	9	7.0	8.6	9	10	9		10	10	9.8
9	Lê Xuân Hà	7	6	8	7	7	5.0	6.3	6	6	6		7	6.0	6.3
10	Hoàng Ngọc Hải	7	6	7	7	7	5.0	6.2	7	6	6		9	7.0	7.3
11	Cao Khánh Huyền	9	9	8	9	9	7.0	8.2	9	10	8		10	10	9.6
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	9	8	8	9	7	7.0	7.7	8	8	7		7	6.0	6.9
13	Lê Thị Mai Hương	5	6	6	6	6	6.0	5.9	7	6	7		8	9.0	7.9
14	Lại Duy Quốc Khánh	9	6	5	6	4	5.0	5.4	6	6	5		5	6.0	5.6
15	Ngô Thị Thùy Linh	6	6	7	6	5	5.0	5.6	6	6	5		7	6.0	6.1
16	Vương Thị Khánh Ly	9	9	9	10	9	7.0	8.4	9	10	10		10	10	9.9
17	Vũ Thị Nhi	5	6	6	6	7	5.0	5.8	6	5	6		6	7.0	6.3
18	Vương Huy Phương	6	6	6	6	6	5.0	5.7	6	6	5		7	8.0	6.9
19	Vũ Văn Phong	8	9	7	9	9	6.0	7.7	7	7	8		8	8.0	7.8
20	Lê Thị Ngọc Phượng	10	9	9	10	9	8.0	8.9	10	9	10		10	10	9.9
21	Vương Huy Quang	6	6	6	7	5	5.0	5.6	5	6	5		6	7.0	6.1
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	6	6	6	7	5	6.0	5.9	7	8	7		8	7.0	7.4
23	Trần Thị Quỳnh	6	7	7	6	7	6.0	6.4	7	7	6		6	7.0	6.6
24	Lê Thị Phương Thảo	5	5	5	6	5	6.0	5.4	6	6	6		7	6.0	6.3
25	Lê Thị Thơm	5	5	6	6	5	5.0	5.2	7	6	6		7	8.0	7.1
26	Lê Thị Huyền Trang	7	8	9	8	7	7.0	7.4	7	6	7		9	8.0	7.8
27	Trần Văn Trọng	9	9	9	9	9	7.0	8.3	9	9	8		8	8.0	8.3
28	Nguyễn Bá Trường	6	6	5	6	5	5.0	5.3	5	7	6		4	6.0	5.5
29	Vương Hồ Cẩm Tú	7	8	8	8	6	5.0	6.4	7	8	7		6	8.0	7.3
30	Lê Tuấn Vũ	7	5	6	6	6	5.0	5.7	6	6	7		5	7.0	6.3
31	Trần Viết Xuân	7	7	8	7	7	6.0	6.8	6	5	5		9	8.0	7.3
32	Hàn Thị Hải Yến	7	8	7	8	8	6.0	7.1	8	7	7		8	8.0	7.8
33	Vương Thị Hải Yến	9	10	9	10	9	7.0	8.6	9	10	9		9	9.0	9.1
34															
35															
36															
37															

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán học.....điểm, Vật lí.....điểm

Ký xác nhận của GVCN

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Bùi Thị Thủy

Bùi Thị Thanh Huyền

Hồ Thị Hồng

HỌC KỲ II

Số TT	HÓA HỌC							SINH HỌC							NGỮ VĂN						
	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk
1	6	6	6		8	6.0	6.5	7	8	8		7	5.0	6.5	8	7	8	8	8	8.0	7.9
2	9	8	8		9	8.0	8.4	7	6	9		9	7.0	7.6	9	7	8	9	8	8.0	8.1
3	8	7	7		5	8.0	7.0	7	6	7		8	7.0	7.1	8	6	7	7	6	6.0	6.4
4	6	7	7		5	5.0	5.6	6	4	7		6	5.0	5.5	7	5	6	6	5	6.0	5.8
5	5	6	6		5	5.0	5.3	6	5	7		6	5.0	5.6	6	5	6	5	5	6.0	5.6
6	7	8	7		7	6.0	6.8	9	8	9		8	7.0	7.9	7	5	7	7	6	7.0	6.6
7	6	6	5		5	6.0	5.6	7	6	5		4	5.0	5.1	7	5	6	5	5	5.0	5.3
8	9	8	9		10	8.0	8.8	9	8	9		9	9.0	8.9	9	8	8	8	8	8.0	8.1
9	6	6	6		5	6.0	5.8	7	5	7		6	6.0	6.1	7	5	6	7	6	7.0	6.4
10	7	8	6		7	8.0	7.4	7	7	8		9	6.0	7.3	7	6	7	8	7	8.0	7.3
11	9	10	10		8	9.0	9.0	9	8	8		9	10	9.1	9	8	9	9	8	9.0	8.7
12	7	6	7		8	8.0	7.5	7	6	7		8	7.0	7.1	8	6	7	8	8	7.0	7.3
13	7	5	7		6	6.0	6.1	6	6	7		7	7.0	6.8	7	5	6	7	5	7.0	6.2
14	6	5	5		5	6.0	5.5	7	5	7		5	6.0	5.9	7	5	6	6	5	6.0	5.8
15	6	5	6		6	6.0	5.9	6	7	6		7	6.0	6.4	7	6	6	7	6	7.0	6.6
16	9	10	10		8	9.0	9.0	9	9	9		10	9.0	9.3	9	8	9	9	9	9.0	8.9
17	6	6	5		6	8.0	6.6	6	7	7		6	6.0	6.3	7	6	7	7	7	6.0	6.6
18	6	5	5		4	6.0	5.3	6	6	5		7	8.0	6.9	7	5	6	7	6	6.0	6.1
19	7	7	8		5	7.0	6.6	9	8	9		8	9.0	8.6	8	8	8	8	8	8.0	8.0
20	10	9	9		10	10	9.8	9	8	9		9	8.0	8.5	9	8	6	9	8	8.0	8.0
21	5	5	4		7	6.0	5.8	5	6	6		5	5.0	5.3	6	5	7	6	5	4.0	5.1
22	7	8	7		6	6.0	6.5	7	9	8		8	6.0	7.3	7	7	7	8	8	7.0	7.3
23	6	7	7		5	5.0	5.6	7	7	8		7	6.0	6.8	8	7	7	8	7	7.0	7.2
24	6	6	6		5	7.0	6.1	6	8	7		7	9.0	7.8	6	5	6	6	5	6.0	5.7
25	7	6	6		6	8.0	6.9	6	5	7		6	8.0	6.8	6	7	6	7	6	7.0	6.6
26	6	6	5		8	9.0	7.5	9	7	8		8	9.0	8.4	8	8	8	8	8	8.0	8.0
27	9	9	8		6	8.0	7.8	8	8	9		8	9.0	8.5	9	8	8	8	8	8.0	8.1
28	6	5	4		5	7.0	5.8	5	6	7		6	5.0	5.6	6	4	6	5	5	5.0	5.1
29	7	6	7		6	8.0	7.0	6	9	8		7	6.0	6.9	8	5	7	7	7	7.0	6.9
30	6	6	7		6	6.0	6.1	5	6	4		4	7.0	5.5	7	6	6	8	4	4.0	5.2
31	7	6	5		7	6.0	6.3	7	8	8		8	8.0	7.9	8	6	7	7	7	8.0	7.3
32	7	7	7		9	7.0	7.5	7	7	9		8	9.0	8.3	8	6	7	8	6	6.0	6.6
33	9	8	10		8	9.0	8.8	9	7	9		9	9.0	8.8	9	7	8	8	9	7.0	7.9
34																					
35																					
36																					
37																					

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Hóa học.....điểm, Sinh học.....điểm, Ngữ văn.....điểm

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Hồ Thị Hồng

Lê Thị Na

Bùi Thị Thủy

HỌC KỲ II

Số TT	Họ và tên	LỊCH SỬ							ĐỊA LÍ						
		ĐDGTx				ĐDGTgk	ĐDGTck	ĐDGTmhk	ĐDGTx				ĐDGTgk	ĐDGTck	ĐDGTmhk
1	Lê Hoài Anh	8	8	7		7	6.0	6.9	7	7	6		7	6.0	6.5
2	Lê Thị Kiều Anh	9	8	9		7	9.0	8.4	10	9	8		9	9.0	9.0
3	Lê Thị Tú Anh	8	6	8		8	8.0	7.8	7	8	6		7	8.0	7.4
4	Vũ Văn Việt Anh	7	6	5		6	5.0	5.6	7	6	5		7	6.0	6.3
5	Hàn Thị Phương Bắc	7	6	6		5	4.0	5.1	6	7	6		7	5.0	6.0
6	Trần Xuân Dương	6	5	7		7	5.0	5.9	6	8	8		8	8.0	7.8
7	Trần Văn Đại	6	6	6		5	5.0	5.4	7	5	6		5	4.0	5.0
8	Vương Huy Đông	9	9	8		8	9.0	8.6	8	9	9		9	9.0	8.9
9	Lê Xuân Hà	6	4	7		6	7.0	6.3	7	6	6		5	6.0	5.9
10	Hoàng Ngọc Hải	7	6	8		8	7.0	7.3	9	8	9		8	8.0	8.3
11	Cao Khánh Huyền	9	9	8		9	9.0	8.9	9	9	10		10	7.0	8.6
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7	7	7		8	7.0	7.3	8	7	9		7	8.0	7.8
13	Lê Thị Mai Hương	7	7	8		7	7.0	7.1	8	8	8		8	7.0	7.6
14	Lại Duy Quốc Khánh	6	6	6		5	6.0	5.8	7	7	7		6	5.0	6.0
15	Ngô Thị Thùy Linh	6	7	7		7	7.0	6.9	5	6	5		7	6.0	6.0
16	Vương Thị Khánh Ly	9	8	8		9	9.0	8.8	10	9	10		9	9.0	9.3
17	Vũ Thị Nhi	7	8	7		8	7.0	7.4	7	6	5		7	8.0	7.0
18	Vương Huy Phương	6	5	6		5	5.0	5.3	7	6	6		6	6.0	6.1
19	Vũ Văn Phong	9	8	8		9	8.0	8.4	10	10	10		10	10	10
20	Lê Thị Ngọc Phượng	9	7	8		8	9.0	8.4	9	8	9		9	6.0	7.8
21	Vương Huy Quang	6	5	7		6	5.0	5.6	6	6	5		6	5.0	5.5
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	8	7	7		7	8.0	7.5	6	7	8		8	7.0	7.3
23	Trần Thị Quỳnh	7	8	7		7	8.0	7.5	6	8	7		8	5.0	6.5
24	Lê Thị Phương Thảo	8	7	6		6	7.0	6.8	6	6	7		5	6.0	5.9
25	Lê Thị Thơm	7	8	8		7	7.0	7.3	7	6	7		6	8.0	7.0
26	Lê Thị Huyền Trang	9	7	6		8	5.0	6.6	7	8	8		9	7.0	7.8
27	Trần Văn Trọng	9	8	8		8	8.0	8.1	7	8	9		9	7.0	7.9
28	Nguyễn Bá Trường	6	5	5		6	6.0	5.8	7	6	6		4	5.0	5.3
29	Vương Hồ Cẩm Tú	8	9	8		8	5.0	7.0	5	6	7		7	6.0	6.3
30	Lê Tuấn Vũ	8	6	7		5	3.0	5.0	5	6	6		4	5.0	5.0
31	Trần Viết Xuân	7	6	6		7	8.0	7.1	8	7	8		7	7.0	7.3
32	Hàn Thị Hải Yến	7	7	7		5	8.0	6.9	8	8	9		8	6.0	7.4
33	Vương Thị Hải Yến	8	8	7		6	8.0	7.4	8	8	8		7	8.0	7.8
34															
35															
36															
37															

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Lịch sử.....điểm, Địa lí.....điểm

Ký xác nhận của GVCN

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Thị Thảo

HỌC KỲ II

Số TT	NGOẠI NGỮ							GDCD							CÔNG NGHỆ						
	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk	ĐĐGtx				ĐĐG gk	ĐĐG ck	ĐTB mhk
1	8	7	6	8	7	5.0	6.4	8	8			8	8.0	8.0	7	6			8	8.0	7.6
2	9	8	9	9	9	7.0	8.2	9	8			9	8.0	8.4	8	8			7	9.0	8.1
3	7	7	6	7	7	6.0	6.6	8	8			9	8.0	8.3	8	7			6	8.0	7.3
4	7	6	5	7	6	4.0	5.4	7	7			8	7.0	7.3	7	6			6	6.0	6.1
5	8	6	6	6	4	4.0	5.1	6	6			7	6.0	6.3	5	6			5	6.0	5.6
6	7	6	6	7	6	4.0	5.6	8	8			9	7.0	7.9	6	9			9	7.0	7.7
7	6	5	4	4	5	5.0	4.9	5	6			7	4.0	5.3	8	6			5	5.0	5.6
8	10	8	9	9	9	7.0	8.3	9	8			9	8.0	8.4	10	8			9	8.0	8.6
9	6	6	6	6	5	5.0	5.4	6	7			7	5.0	6.0	9	7			9	7.0	7.9
10	8	7	7	8	7	6.0	6.9	8	8			8	7.0	7.6	8	8			8	8.0	8.0
11	9	8	10	8	10	8.0	8.8	9	9			9	8.0	8.6	9	9			9	9.0	9.0
12	8	7	6	7	8	7.0	7.2	7	8			8	8.0	7.9	8	8			8	6.0	7.1
13	7	6	6	7	6	3.0	5.2	7	8			8	8.0	7.9	7	7			6	7.0	6.7
14	6	6	6	6	5	5.0	5.4	5	6			5	7.0	6.0	5	6			5	6.0	5.6
15	7	6	7	7	8	5.0	6.4	7	7			8	8.0	7.7	6	7			6	7.0	6.6
16	10	9	8	9	9	8.0	8.7	9	9			9	9.0	9.0	8	8			9	9.0	8.7
17	6	6	5	6	6	4.0	5.2	7	8			8	8.0	7.9	8	7			7	7.0	7.1
18	7	6	5	6	7	4.0	5.6	6	7			8	5.0	6.3	7	6			7	6.0	6.4
19	8	7	8	7	9	5.0	7.0	9	8			9	8.0	8.4	8	7			9	8.0	8.1
20	10	9	9	8	9	7.0	8.3	9	8			8	9.0	8.6	9	7			7	9.0	8.1
21	6	6	6	7	6	5.0	5.8	6	6			7	5.0	5.9	6	7			6	7.0	6.6
22	8	6	7	7	7	5.0	6.3	8	8			9	7.0	7.9	8	8			8	6.0	7.1
23	7	6	7	7	5	5.0	5.8	8	8			8	7.0	7.6	9	8			8	7.0	7.7
24	6	6	7	7	5	3.0	5.0	7	7			8	6.0	6.9	6	7			6	7.0	6.6
25	6	5	7	7	4	5.0	5.3	7	7			8	7.0	7.3	6	6			5	7.0	6.1
26	8	7	7	7	6	5.0	6.2	7	7			8	7.0	7.3	7	7			6	8.0	7.1
27	9	9	9	9	10	7.0	8.6	9	8			9	8.0	8.4	8	8			8	9.0	8.4
28	6	4	7	6	5	4.0	5.0	5	6			6	5.0	5.4	8	6			6	5.0	5.9
29	7	8	8	8	7	6.0	7.0	8	9			9	8.0	8.4	8	7			7	8.0	7.6
30	6	6	7	7	5	5.0	5.7	5	5			7	5.0	5.6	6	6			5	6.0	5.7
31	6	6	7	6	6	4.0	5.4	9	8			8	7.0	7.7	8	8			9	7.0	7.9
32	8	8	8	8	9	6.0	7.6	8	8			8	8.0	8.0	7	8			6	6.0	6.4
33	8	8	8	8	8	6.0	7.3	9	9			9	8.0	8.6	9	8			8	8.0	8.1
34																					
35																					
36																					
37																					

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Ngoại ngữ.....điểm, GDCD.....điểm, Công nghệ.....điểm

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Lê Thị Ánh Ninh

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Lý

HỌC KỲ II

Số TT	Họ và tên	THỂ DỤC							ÂM NHẠC						
		ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh	ĐDGTx				ĐDGtk	ĐDGtk	ĐTBmhh
1	Lê Hoài Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
2	Lê Thị Kiều Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
3	Lê Thị Tú Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
4	Vũ Văn Việt Anh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
5	Hàn Thị Phương Bắc	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
6	Trần Xuân Dương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
7	Trần Văn Đại	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
8	Vương Huy Đông	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
9	Lê Xuân Hà	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
10	Hoàng Ngọc Hải	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
11	Cao Khánh Huyền	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
13	Lê Thị Mai Hương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
14	Lại Duy Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
15	Ngô Thị Thùy Linh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
16	Vương Thị Khánh Ly	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
17	Vũ Thị Nhi	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
18	Vương Huy Phương	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
19	Vũ Văn Phong	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
20	Lê Thị Ngọc Phượng	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
21	Vương Huy Quang	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
23	Trần Thị Quỳnh	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
24	Lê Thị Phương Thảo	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
25	Lê Thị Thơm	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
26	Lê Thị Huyền Trang	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
27	Trần Văn Trọng	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
28	Nguyễn Bá Trường	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
29	Vương Hồ Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
30	Lê Tuấn Vũ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
31	Trần Viết Xuân	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
32	Hàn Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
33	Vương Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ
34															
35															
36															
37															

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Thể dục.....điểm, Âm nhạc.....điểm

Ký xác nhận của GVCN

Ký xác nhận của GVBM

Ký xác nhận của GVBM

Bùi Thị Thủy

Hồ Đức Quang

Phạm Thị Đào

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC KỲ II

Số TT	Họ và tên	Toán học	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	TBcm hkII	Kết quả xếp loại và thi đua		
															HL	HK	TĐ
1	Lê Hoài Anh	7.1	7.0	6.5	6.5	7.9	6.9	6.5	6.4	8.0	7.6	Đ	Đ	7.0	K	T	HSTT
2	Lê Thị Kiều Anh	8.6	8.9	8.4	7.6	8.1	8.4	9.0	8.2	8.4	8.1	Đ	Đ	8.4	G	T	HSG
3	Lê Thị Tú Anh	7.4	8.0	7.0	7.1	6.4	7.8	7.4	6.6	8.3	7.3	Đ	Đ	7.3	K	T	HSTT
4	Vũ Văn Việt Anh	6.3	5.5	5.6	5.5	5.8	5.6	6.3	5.4	7.3	6.1	Đ	Đ	5.9	Tb	T	
5	Hàn Thị Phương Bắc	5.2	5.6	5.3	5.6	5.6	5.1	6.0	5.1	6.3	5.6	Đ	Đ	5.5	Tb	T	
6	Trần Xuân Dương	6.9	8.4	6.8	7.9	6.6	5.9	7.8	5.6	7.9	7.7	Đ	Đ	7.2	K	T	HSTT
7	Trần Văn Đại	5.4	5.5	5.6	5.1	5.3	5.4	5.0	4.9	5.3	5.6	Đ	Đ	5.3	Tb	K	
8	Vương Huy Đông	8.6	9.8	8.8	8.9	8.1	8.6	8.9	8.3	8.4	8.6	Đ	Đ	8.7	G	T	HSG
9	Lê Xuân Hà	6.3	6.3	5.8	6.1	6.4	6.3	5.9	5.4	6.0	7.9	Đ	Đ	6.2	Tb	T	
10	Hoàng Ngọc Hải	6.2	7.3	7.4	7.3	7.3	7.3	8.3	6.9	7.6	8.0	Đ	Đ	7.4	K	T	HSTT
11	Cao Khánh Huyền	8.2	9.6	9.0	9.1	8.7	8.9	8.6	8.8	8.6	9.0	Đ	Đ	8.9	G	T	HSG
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7.7	6.9	7.5	7.1	7.3	7.3	7.8	7.2	7.9	7.1	Đ	Đ	7.4	K	T	HSTT
13	Lê Thị Mai Hương	5.9	7.9	6.1	6.8	6.2	7.1	7.6	5.2	7.9	6.7	Đ	Đ	6.7	Tb	T	
14	Lại Duy Quốc Khánh	5.4	5.6	5.5	5.9	5.8	5.8	6.0	5.4	6.0	5.6	Đ	Đ	5.7	Tb	T	
15	Ngô Thị Thùy Linh	5.6	6.1	5.9	6.4	6.6	6.9	6.0	6.4	7.7	6.6	Đ	Đ	6.4	Tb	T	
16	Vương Thị Khánh Ly	8.4	9.9	9.0	9.3	8.9	8.8	9.3	8.7	9.0	8.7	Đ	Đ	9.0	G	T	HSG
17	Vũ Thị Nhi	5.8	6.3	6.6	6.3	6.6	7.4	7.0	5.2	7.9	7.1	Đ	Đ	6.6	K	T	HSTT
18	Vương Huy Phương	5.7	6.9	5.3	6.9	6.1	5.3	6.1	5.6	6.3	6.4	Đ	Đ	6.1	Tb	T	
19	Vũ Văn Phong	7.7	7.8	6.6	8.6	8.0	8.4	10	7.0	8.4	8.1	Đ	Đ	8.1	G	T	HSG
20	Lê Thị Ngọc Phượng	8.9	9.9	9.8	8.5	8.0	8.4	7.8	8.3	8.6	8.1	Đ	Đ	8.6	G	T	HSG
21	Vương Huy Quang	5.6	6.1	5.8	5.3	5.1	5.6	5.5	5.8	5.9	6.6	Đ	Đ	5.7	Tb	T	
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	5.9	7.4	6.5	7.3	7.3	7.5	7.3	6.3	7.9	7.1	Đ	Đ	7.1	K	T	HSTT
23	Trần Thị Quỳnh	6.4	6.6	5.6	6.8	7.2	7.5	6.5	5.8	7.6	7.7	Đ	Đ	6.8	K	T	HSTT
24	Lê Thị Phương Thảo	5.4	6.3	6.1	7.8	5.7	6.8	5.9	5.0	6.9	6.6	Đ	Đ	6.3	Tb	T	
25	Lê Thị Thơm	5.2	7.1	6.9	6.8	6.6	7.3	7.0	5.3	7.3	6.1	Đ	Đ	6.6	K	T	HSTT
26	Lê Thị Huyền Trang	7.4	7.8	7.5	8.4	8.0	6.6	7.8	6.2	7.3	7.1	Đ	Đ	7.4	K	T	HSTT
27	Trần Văn Trọng	8.3	8.3	7.8	8.5	8.1	8.1	7.9	8.6	8.4	8.4	Đ	Đ	8.2	G	T	HSG
28	Nguyễn Bá Trường	5.3	5.5	5.8	5.6	5.1	5.8	5.3	5.0	5.4	5.9	Đ	Đ	5.5	Tb	K	
29	Vương Hồ Cẩm Tú	6.4	7.3	7.0	6.9	6.9	7.0	6.3	7.0	8.4	7.6	Đ	Đ	7.1	K	T	HSTT
30	Lê Tuấn Vũ	5.7	6.3	6.1	5.5	5.2	5.0	5.0	5.7	5.6	5.7	Đ	Đ	5.6	Tb	K	
31	Trần Viết Xuân	6.8	7.3	6.3	7.9	7.3	7.1	7.3	5.4	7.7	7.9	Đ	Đ	7.1	K	T	HSTT
32	Hàn Thị Hải Yến	7.1	7.8	7.5	8.3	6.6	6.9	7.4	7.6	8.0	6.4	Đ	Đ	7.4	K	T	HSTT
33	Vương Thị Hải Yến	8.6	9.1	8.8	8.8	7.9	7.4	7.8	7.3	8.6	8.1	Đ	Đ	8.2	G	T	HSG
34																	
35																	
36																	
37																	

Ký xác nhận của giáo viên chủ nhiệm

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán học.....điểm, Vật lí.....điểm, Hóa học.....điểm, Sinh học.....điểm, Ngữ văn.....điểm, Lịch sử.....điểm, Địa lí.....điểm, Ngoại ngữ.....điểm, GDCD.....điểm, Công nghệ.....điểm, Thể dục.....điểm, Âm nhạc.....điểm

Bùi Thị Thủy

DANH SÁCH GIÁO VIÊN BỘ MÔN

STT	Môn	HỌ VÀ TÊN GVBM	
		HKII	Chữ ký
1	Toán học	Bùi Thị Thanh Huyền	
2	Vật lí	Hồ Thị Hồng	
3	Hóa học	Hồ Thị Hồng	
4	Sinh học	Lê Thị Na	
5	Ngữ văn	Bùi Thị Thủy	
6	Lịch sử	Nguyễn Thị Phượng	
7	Địa lí	Nguyễn Thị Thảo	
8	Ngoại ngữ	Lê Thị Ánh Ninh	
9	GDCD	Bùi Thị Thủy	
10	Công nghệ	Nguyễn Thị Lý	
11	Thể dục	Hồ Đức Quang	
12	Âm nhạc	Phạm Thị Đào	

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ,

Số TT	Họ và tên	ĐIỂM TRUNG BÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BẢNG NHẬN XÉT CÁC MÔN HỌC																
		Toán học	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Ngoại ngữ	GD&CD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	TB môn	Điểm KT lại		
1	Lê Hoài Anh	7.1	6.9	6.4	6.8	7.6	7.1	6.8	6.6	8.0	7.8	Đ	Đ	Đ	7.1			
2	Lê Thị Kiều Anh	8.8	9.0	8.8	7.8	8.0	8.4	8.8	8.2	8.5	8.4	Đ	Đ	Đ	8.5			
3	Lê Thị Tú Anh	7.6	7.7	7.2	7.1	6.5	7.4	7.4	6.8	8.1	7.6	Đ	Đ	Đ	7.3			
4	Vũ Văn Việt Anh	6.3	5.7	5.7	5.7	5.9	5.7	6.0	5.5	7.2	6.2	Đ	Đ	Đ	6.0			
5	Hàn Thị Phương Bắc	5.2	5.6	5.5	5.6	5.5	5.2	5.8	5.1	6.0	5.8	Đ	Đ	Đ	5.5			
6	Trần Xuân Dương	7.2	7.9	7.0	7.8	6.6	6.3	7.7	5.9	7.8	8.0	Đ	Đ	Đ	7.2			
7	Trần Văn Đại	5.2	5.8	5.5	5.2	5.2	5.3	5.0	4.9	5.7	6.0	Đ	Đ	Đ	5.4			
8	Vương Huy Đông	8.7	9.7	8.8	8.9	8.1	8.5	8.8	8.5	8.4	8.7	Đ	Đ	Đ	8.7			
9	Lê Xuân Hà	6.5	6.4	5.6	5.9	6.2	6.0	5.8	5.4	6.0	7.7	Đ	Đ	Đ	6.2			
10	Hoàng Ngọc Hải	6.6	7.2	7.5	7.3	7.1	7.4	8.2	7.1	7.9	8.0	Đ	Đ	Đ	7.4			
11	Cao Khánh Huyền	8.4	9.4	9.2	8.9	8.8	8.7	8.7	9.0	8.6	8.9	Đ	Đ	Đ	8.9			
12	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7.8	6.9	7.5	7.1	7.1	7.5	7.9	7.2	7.8	7.5	Đ	Đ	Đ	7.4			
13	Lê Thị Mai Hương	5.9	7.4	6.1	6.7	6.2	6.9	7.3	5.4	7.7	6.9	Đ	Đ	Đ	6.7			
14	Lại Duy Quốc Khánh	5.2	5.4	5.3	5.7	5.5	6.0	5.8	5.4	6.0	5.9	Đ	Đ	Đ	5.6			
15	Ngô Thị Thùy Linh	5.9	6.2	6.1	6.3	6.3	7.2	6.0	6.5	7.8	6.7	Đ	Đ	Đ	6.5			
16	Vương Thị Khánh Ly	8.6	9.6	9.1	9.2	8.9	8.7	9.2	8.9	9.0	8.8	Đ	Đ	Đ	9.0			
17	Vũ Thị Nhi	5.8	6.1	6.5	6.1	6.4	7.3	7.0	5.5	8.0	7.5	Đ	Đ	Đ	6.6			
18	Vương Huy Phương	5.6	6.6	5.4	6.8	6.2	5.6	6.1	5.5	6.8	6.6	Đ	Đ	Đ	6.1			
19	Vũ Văn Phong	7.9	8.3	7.1	8.6	8.2	8.7	10	7.6	8.6	8.4	Đ	Đ	Đ	8.3			
20	Lê Thị Ngọc Phượng	9.1	9.8	9.8	8.5	8.1	8.5	7.7	8.4	8.7	8.1	Đ	Đ	Đ	8.7			
21	Vương Huy Quang	5.8	6.0	5.6	5.4	5.0	5.6	5.4	5.6	5.8	6.6	Đ	Đ	Đ	5.7			
22	Hoàng Thị Như Quỳnh	5.9	7.2	6.4	7.5	7.1	7.4	7.1	6.2	7.8	7.7	Đ	Đ	Đ	7.0			
23	Trần Thị Quỳnh	6.7	6.5	5.8	6.6	6.8	7.3	6.5	6.2	7.4	7.5	Đ	Đ	Đ	6.7			
24	Lê Thị Phương Thảo	5.3	6.2	6.1	7.3	5.6	6.7	5.8	5.1	6.7	6.8	Đ	Đ	Đ	6.2			
25	Lê Thị Thơm	5.2	6.8	6.8	6.8	6.5	7.2	6.7	5.5	7.5	6.7	Đ	Đ	Đ	6.6			
26	Lê Thị Huyền Trang	7.9	7.4	7.3	8.3	7.9	7.2	7.8	6.4	7.8	7.4	Đ	Đ	Đ	7.5			
27	Trần Văn Trọng	8.6	8.5	8.1	8.4	7.9	8.0	8.0	8.8	8.4	8.6	Đ	Đ	Đ	8.3			
28	Nguyễn Bá Trường	5.2	5.5	5.6	5.5	5.1	5.7	5.4	5.0	5.5	6.3	Đ	Đ	Đ	5.5			
29	Vương Hồ Cẩm Tú	6.6	7.2	6.9	6.9	6.9	7.1	6.6	7.2	8.1	7.7	Đ	Đ	Đ	7.1			
30	Lê Tuấn Vũ	5.8	6.4	6.0	5.5	5.1	5.0	5.1	5.7	5.7	5.7	Đ	Đ	Đ	5.6			
31	Trần Viết Xuân	6.8	7.0	6.4	7.5	7.2	7.2	7.3	5.6	7.8	7.9	Đ	Đ	Đ	7.1			
32	Hàn Thị Hải Yến	7.4	7.6	7.6	7.9	6.7	7.2	7.5	7.9	8.0	7.2	Đ	Đ	Đ	7.5			
33	Vương Thị Hải Yến	8.8	8.9	8.8	8.6	7.9	7.6	7.8	7.5	8.7	8.2	Đ	Đ	Đ	8.3			
34																		
35																		
36																		
37																		

Ký xác nhận của giáo viên chủ nhiệm

Trong trang này cóđiểm được sửa chữa, trong đó môn: Toán học.....điểm, Vật lí.....điểm, Hóa học.....điểm, Sinh học.....điểm, Ngữ văn.....điểm, Lịch sử.....điểm, Địa lí.....điểm, Ngoại ngữ.....điểm, GD&CD.....điểm, Công nghệ.....điểm, Thể dục.....điểm, Âm nhạc.....điểm, Mĩ thuật.....điểm

Bùi Thị Thủy

XẾP LOẠI CẢ NĂM HỌC

Số TT	XẾP LOẠI		TS buổi nghỉ học	Được lên lớp	Ở lại lớp, kiểm tra lại, rèn luyện HK trong hè	Xếp loại lại về HK,HL, sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện về HK			Danh hiệu HSG, HSTT	TỔNG HỢP CHUNG
	HL	HK				HL	HK	Được lên lớp, ở lại lớp		
1	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	Tổng số học sinh: 33 - Đủ điều kiện xét tốt nghiệp: 33 - Ở lại lớp: - Đủ điều kiện xét tốt nghiệp sau khi kiểm tra lại các môn học hoặc rèn luyện trong hè: Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i> Bùi Thị Thủy HIỆU TRƯỞNG <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> Hoàng Thị Thuỷ
2	G	T	0	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
3	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
4	Tb	T	0	Đủ ĐK xét TN						
5	Tb	T	2	Đủ ĐK xét TN						
6	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
7	Tb	K	8	Đủ ĐK xét TN						
8	G	T	1	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
9	Tb	T	0	Đủ ĐK xét TN						
10	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
11	G	T	0	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
12	K	T	2	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
13	Tb	T	2	Đủ ĐK xét TN						
14	Tb	T	0	Đủ ĐK xét TN						
15	K	T	1	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
16	G	T	4	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
17	Tb	T	1	Đủ ĐK xét TN						
18	Tb	T	0	Đủ ĐK xét TN						
19	G	T	5	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
20	G	T	2	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
21	Tb	T	1	Đủ ĐK xét TN						
22	K	T	1	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
23	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
24	Tb	T	1	Đủ ĐK xét TN						
25	K	T	7	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
26	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
27	G	T	0	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
28	Tb	K	3	Đủ ĐK xét TN						
29	K	T	1	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
30	Tb	K	15	Đủ ĐK xét TN						
31	K	T	0	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
32	K	T	2	Đủ ĐK xét TN					HS Tiên tiến	
33	G	T	2	Đủ ĐK xét TN					Học sinh giỏi	
34										
35										
36										
37										

NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

THÁNG	NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ SỬ DỤNG SỔ	KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU
8		
9		
10		
11		
12		

NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

THÁNG	NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ SỬ DỤNG SỔ	KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU
1		
2		
3		
4		
5		

